

TỪ BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC ĐẾN VIỆC ĐẢ PHÁ LUẬN ĐIỀU “KHAI HÓA VĂN MINH”, BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM

PGS, TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT^(*)

Ngày nhận bài: 06/10/2023

Ngày thẩm định: 10/10/2023

Ngày duyệt đăng: 15/12/2023

Tóm tắt: Cách đây gần 100 năm, Nguyễn Ái Quốc đã viết tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” để tố cáo tội ác man rợ của thực dân Pháp ở Việt Nam nói riêng và chế độ thực dân tàn bạo nói chung. Trên thực tế, vì nhiều lý do, đã và đang tồn tại những đánh giá khác nhau về chế độ thuộc địa của Pháp ở Việt Nam. Bằng việc tái hiện sự lên án mạnh mẽ của Nguyễn Ái Quốc đối với chế độ thuộc địa, bài viết hướng tới mục tiêu đả phá luận điệu về công cuộc “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp và đấu tranh với mọi hình thức xâm lăng văn hóa ở Việt Nam.

Từ khóa: Bản án chế độ thực dân Pháp; chế độ thuộc địa; Hồ Chí Minh; “khai hóa văn minh”

Hồ Chí Minh được mệnh danh là “không có Người, lịch sử đã có thể đi theo một con đường khác”⁽¹⁾. Chân lý ấy được minh chứng bởi sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân để giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới của Hồ Chí Minh. Trong cuộc đối đầu với chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* để tố cáo tội ác man rợ của thực dân Pháp ở Việt Nam nói riêng và ở tất cả các thuộc địa nói chung. Ra đời cách đây gần 100 năm, tác phẩm không chỉ góp phần “thức tỉnh” các dân tộc bị áp bức để chống chủ nghĩa đế quốc trong mọi hình thức, mà còn bác bỏ hoàn toàn luận điệu về công lao “khai hóa văn minh” của

thực dân Pháp do những kẻ “ấu trĩ”, ăn phải “bã” của chủ nghĩa thực dân đã và đang “rêu rao” nhằm xuyên tạc lịch sử và phủ nhận công lao to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

1. Bản án chế độ thực dân Pháp với việc tố cáo sự vi phạm quyền con người và tội ác man rợ của thực dân Pháp ở Việt Nam

Tiến hành các cuộc xâm lược thuộc địa, những kẻ thực dân luôn giương cao khẩu hiệu “khai hóa văn minh” cho các nước lạc hậu, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra bản chất của nó: “Đã từ lâu, chủ nghĩa tư bản phương Tây như con rắn nhiều đầu, thấy châu Âu là nơi quá chật hẹp để bóc lột và máu của vô sản châu Âu không đủ dòi dào để thỏa mãn thèm khát, nó bèn vươn những cái vòi khủng khiếp của nó tới khắp nơi của quả đất”⁽²⁾. Tận mắt chứng kiến những đau khổ cùng cực của nhân dân Việt Nam và các dân tộc khác dưới chế độ

^(*)Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã đứng lên tuyên chiến với chủ nghĩa thực dân. *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc vạch trần những tội ác man rợ mà những kẻ thực dân đã gây ra ở Việt Nam cũng như ở các thuộc địa khác dưới nhiều góc độ.

Thứ nhất, thực dân Pháp đã chà đạp lên quyền sống của nhân dân Việt Nam

Sự sống, quyền sống là điều thiêng liêng nhất của con người, nhưng thực dân Pháp đã chà đạp lên điều cao quý đó bằng nhiều cách thức.

Thực dân Pháp *cưỡng bức người dân Đông Dương đi lính* để làm “bia đỡ đạn” và phục vụ cho các cuộc chiến tranh phi nghĩa do chúng gây ra. Để bắt lính - những người bị coi là “vật liệu biết nói”, chúng đã tiến hành những cuộc vây bắt trên toàn cõi Đông Dương dưới chiêu bài “chế độ lính tình nguyện”. Kết quả là “tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa”⁽³⁾.

Trong quá trình xâm lược và cai trị Đông Dương, thực dân Pháp còn *giết hại vô số dân lành vô tội*. Dưới chế độ thực dân, “mạng một con người An Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh”⁽⁴⁾. Chúng coi việc giết người An Nam như một trò tiêu khiển. Sự giết người của chúng còn vô cơ tới mức, khi không tìm thấy người cần bắt thì chúng chém giết người vô tội để khỏi trở về tay không. Sự sống của nhiều dân lành đã bị hủy diệt bởi những tên “đồ tể” mang danh kẻ “khai hóa”.

Thực dân Pháp còn tiến hành *đàn áp đẫm máu các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam*. Bị đẩy vào vòng nô lệ, người dân Việt Nam không cam chịu mà liên tiếp vùng lên. Ngay lập tức, những kẻ thực dân đã coi những người An Nam yêu nước là những kẻ phản nghịch. Những con người yêu nước nổi tiếng, như Đới Văn, Tống Duy Tân, Trần Quý Cáp..., đều bị giết không cần điều tra, xét xử. Chúng còn giày xéo thi thể của họ để đe dọa dân chúng và làm đau lòng gia đình họ. Văn

hóa tâm linh của người Việt vốn rất coi trọng việc mồ mả, nhưng những tên thực dân đã hèn hạ báo thù Phan Đình Phùng bằng cách “vào rừng quật mộ ông lên, ném thi hài ông mỗi nơi một mảnh”⁽⁵⁾. Chúng còn tàn bạo đến mức, khi không khuất phục được Đề Thám thì đã “đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông”⁽⁶⁾. Trước tội ác giết người tràn lan của thực dân Pháp ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã gọi đó là “công cuộc khai hóa giết người”, là cách “khai hóa kỳ khôi: để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã”⁽⁷⁾.

Thứ hai, thực dân Pháp đã tước bỏ tất cả quyền dân sự - chính trị của nhân dân Đông Dương

Pháp lý tư sản phương Tây vốn rất chú trọng các quyền dân sự chính trị, nhưng người dân thuộc địa không có quyền gì khác ngoài quyền nộp thuế. Trong chế độ thuộc địa, người bản xứ chỉ là “những thần dân Pháp chứ không phải là công dân Pháp”⁽⁸⁾; do đó, họ không có quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do lập hội. Ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau họ cũng không được hưởng. Quyền biểu tình họ cũng không có. Năm 1908, khi nhân dân miền Trung biểu tình để phản đối chính sách sưu cao, thuế nặng và nhiều sự hà lạm áp bức của chính quyền thực dân thì “các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hòa, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đày”⁽⁹⁾. Dân chủ ở đây chỉ là “bình phong” cho sự độc tài, chuyên chế của chế độ không có hiến pháp.

Thứ ba, thực dân Pháp cướp đất đai, tài sản và bóc lột nặng nề người dân Đông Dương bằng nhiều thủ đoạn bất lương

Thực dân Pháp đã trắng trợn cướp ruộng của dân. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ, chiến tranh đã làm cho nông dân phải rời bỏ làng mạc của họ. Khi họ trở về thì đã thấy ruộng đất của họ bị bọn chủ đồn điền, theo sau quân đội chiến thắng, chiếm mất. Người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn

chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch. Bên cạnh “uy lực phần đời” là chính quyền thì nhà thờ cũng là một thế lực tham gia vào việc cướp ruộng của nông dân bằng thủ đoạn cho nông dân vay nặng lãi và hối lộ chính quyền. Kết quả là, chỉ riêng ở Nam Kỳ, Hội Thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng⁽¹⁰⁾.

Để hút đến giọt máu cuối cùng của những người dân nô lệ, bọn thực dân còn lạm thu rất nhiều thứ thuế, như thuế điền, thuế thân (hay còn gọi là thuế đinh). Nguyễn Ái Quốc đã dùng chính lời của nghị sỹ Pháp Vinhê Đốc Tông để tố cáo: “Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến”⁽¹¹⁾. Với lòng tham vô độ, chúng đã tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc, do đó số tiền thuế điền phải nộp cũng tăng theo.

Bên cạnh thuế điền thì thuế thân (dành cho những người từ 18 đến 60 tuổi) cũng là gánh nặng lớn đối với người dân Đông Dương khi “tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi”⁽¹²⁾, tức tăng lên gần 18 lần. Suu cao, thuế nặng, người dân không thể đóng nổi nên ngày nào cũng diễn ra những cuộc bắt bớ, khám xét để thu thuế.

Để tiếp tục bóc lột và đầu độc người bản xứ, thực dân Pháp đã cưỡng bức người dân Đông Dương phải mua rượu cồn và thuốc phiện. Kết quả là, “hàng năm người ta cũng đã tống từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ con”⁽¹³⁾, tức là tính cả đến trẻ còn bú sữa mẹ. Để bán được nhiều rượu hơn, bọn thực dân còn dùng các thủ đoạn khác như ghi tăng số dân để theo đó “bổ” mức mua của từng làng và cấm dân tự nấu rượu. Ép dân mua rượu khi họ đang đói ăn, tên quan thực dân nói rằng: “Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rưỡi để có thể mua rượu của nhà nước”⁽¹⁴⁾. Không chỉ rượu cồn mà thuốc phiện cũng là thứ chúng đã dùng để bóc lột và đầu

độc nhân dân An Nam. Nguyễn Ái Quốc mỉa mai: “Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xarô, Toàn quyền Đông Dương, phải dài ghê lắm mới đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng mỗi năm ông sẽ bị phạt ít ra là một triệu ba mươi lăm vạn (1.350.000) tháng tù về tội mỗi năm bán cho người An Nam trên mười lăm vạn kilôgam thuốc phiện”⁽¹⁵⁾. Ngoài lợi ích kinh tế, chính sách đầu độc của thực dân Pháp còn nhằm mục tiêu làm cho dân chúng say sưa trong vòng truy lạc, u mê, quên đi nỗi nhục nô lệ.

Không chỉ cướp của dưới mọi hình thức, chính quyền thuộc địa còn bóc lột công sức của người dân An Nam bằng hình thức phu phen, tạp dịch vô cùng nặng nề. Theo quy định của chính quyền thuộc địa, hàng năm, người An Nam phải làm một số ngày không công cho nhà nước “bảo hộ”. Tuy nhiên, trên thực tế thì bất cứ lúc nào, người dân An Nam cũng có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc cực nhọc mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt. Ôm đau, cực nhọc và sự hành hạ tàn tệ đã gây nên nạn chết chóc khủng khiếp và người dân chỉ biết than: Từ ngày có mặt thằng Tây/ Phe phen tạp dịch hàng ngày khốn thân.

Thứ tư, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách ngu dân, vi phạm quyền tiếp cận giáo dục, văn hóa của nhân dân Đông Dương

Mặc dù giương cao ngọn cờ “khai hóa văn minh”, nhưng chính quyền thực dân đã triệt để thực hiện chính sách ngu dân. Chúng có suy nghĩ vô cùng phản động và trịch thượng: “Đối với cái giống nòi Annamít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó, - đó là ách thống trị bằng sức mạnh... Truyền học vấn cho bọn Annamít hoặc cho phép chúng tự chúng có học vấn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích”⁽¹⁶⁾. Với tình trạng “nhà tù nhiều hơn trường học” và trong 1.000 làng chỉ có 10 trường học thì vô số trẻ em phải chịu cảnh ngu dốt. Chính quyền thực dân chỉ xây dựng

một ít trường học để đào tạo ra “những con vẹt” để làm các công việc như tùy phái, thông ngôn và viên chức nhỏ nhằm phục vụ cho bọn xâm lược chứ không phải để nâng cao dân trí cho nhân dân Việt Nam. Đáng nói thêm là, đây là một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự đốt nát vì nó dạy cho người học lòng “trung thực” giả dối, sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một tổ quốc không phải của mình, đang áp bức dân tộc mình và khinh rẻ nguồn gốc, dòng giống của mình...

Để bung bít thông tin, chính quyền thuộc địa cũng thực hiện chế độ kiểm duyệt báo chí vô cùng gắt gao. Việc có những báo và tạp chí mang tư tưởng tiến bộ hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân bị coi là một tội nặng. Kết quả là, nhân dân hoàn toàn không được tiếp cận thông tin.

Thứ năm, thực dân Pháp vi phạm nguyên tắc bình đẳng đã được coi là quyền chính đáng của con người

Trong chế độ thuộc địa thối nát, nếu quyền tự do hoàn toàn thiếu vắng thì sự bất bình đẳng lại được thể hiện một cách công khai và toàn diện. Trước hết là sự phân biệt chủng tộc. Dù đều là con người nhưng “ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng”⁽¹⁷⁾. Trên mảnh đất thuộc địa, nếu người Âu được hưởng mọi tự do và ngự trị như người chủ tuyệt đối thì người bản xứ thì chỉ có quyền phục tùng, không được kêu ca. Sự bất bình đẳng tồn tại trong nghĩa vụ quân sự và kinh tế. Nếu người Pháp chỉ phục vụ trong quân đội 02 năm thì người bản xứ phải phục vụ 03 năm. Về kinh tế, dù cùng làm một việc trong cùng một xưởng hay công sở, thì người da trắng luôn được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Đáng sợ hơn nữa là sự bất bình đẳng về pháp lý. Cái “pháp lý” mạnh nhất của những kẻ thực dân chính là pháp lý của kẻ mạnh với súng ống và lưỡi lê. Khi phải thực thi công lý thì ở Đông Dương có hai thứ công lý. Một thứ cho người Pháp, một thứ cho người bản

xứ. Người Pháp thì được xử như ở Pháp. Người An Nam thì không có hội đồng bồi thẩm, cũng không có luật sư người An Nam. Thực tế cho thấy, “trong lúc người bản xứ bị tù đầy vì những duyên cớ vu vơ, thì bọn thực dân và bọn quan cai trị phạm tội giết người, hối lộ, mua bán chức tước, ăn cắp, vẫn nhẹ bước thang mây”⁽¹⁸⁾. Có thể khẳng định: Đông Dương là “thiên đường” của những kẻ cai trị và là “địa ngục trần gian” của những người bản xứ.

Đặc quyền, đặc lợi của những kẻ cai trị đã dẫn đến sự lộng quyền đến mức phi lý. Tham nhũng là hành vi phổ biến của những kẻ trong bộ máy thực dân; cho nên, “khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hóa ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương”⁽¹⁹⁾. Lộng quyền nên chúng còn tùy tiện khám xét thân thể người bản xứ. Thật vô liêm sỉ khi “nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giờ trò dâm dăng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ”⁽²⁰⁾.

Thứ sáu, thực dân Pháp đã gây tội ác đối với cả nhóm người vốn được pháp luật phương Tây ưu ái như phụ nữ và trẻ em

Phụ nữ và trẻ em Việt Nam vốn đã phải sống quần quai trong cảnh lâm than và bị áp bức như tất cả những người dân thuộc địa, nhưng họ là những người ít có khả năng tự vệ nhất nên bị chà đạp, bức hại nhiều nhất. Văn hóa Á Đông vốn coi trọng trinh tiết của phụ nữ, nhưng thói dâm bạo vô độ của bọn thực dân là không giới hạn. Chế độ thuộc địa đã dung dưỡng cho thú tính của con người, biến chúng thành những kẻ hiếp dâm và giết người công khai.

Dù đã tố cáo bao tội ác của thực dân Pháp ở Việt Nam với tất cả sự đau đớn, công phẫn, Nguyễn Ái Quốc vẫn khẳng định: “Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế”⁽²¹⁾.

2. Đả phá luận điệu về sự “khai hóa văn minh”, bảo vệ quyền con người của thực dân Pháp ở Việt Nam

Đề che đậy tham vọng cướp nước và bản chất phi nghĩa của chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp nói riêng và các thế lực đế quốc khác nói chung, đều sử dụng “con bài” “khai hóa văn minh” cho các dân tộc lạc hậu. Luận điệu phi sự thật này đã từng “bịt mắt” nhân dân lao động chính quốc và lừa bịp nhân dân các nước thuộc địa, kìm hãm họ trong vòng ô nhục, không dám đấu tranh. Ngay cả khi Đông Dương “thức tỉnh”, các dân tộc bị áp bức “thức tỉnh” và cùng nhau đấu tranh để lật đổ chế độ thực dân tàn bạo, luận điệu “khai hóa văn minh” vẫn được sử dụng để biện minh cho những tội ác tày trời mà chủ nghĩa thực dân đã gây ra trong quá khứ. *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc đã cung cấp những bằng chứng sinh động, không thể biện bác để vạch trần luận điệu sai trái, xảo trá này. Dựa trên những tội ác man rợ của thực dân Pháp mà Nguyễn Ái Quốc chứng minh sự thật về “công lao khai hóa” của thực dân Pháp ở Việt Nam được **bác bỏ bởi những lý lẽ** sau đây.

Một là, chính người Pháp và những kẻ đứng đầu chính quyền thuộc địa của Pháp ở Đông Dương đã nói về sự giàu có về tài nguyên của Việt Nam và mục tiêu khai thác Việt Nam để làm giàu cho nước Pháp. Chính người Pháp đã viết: “Không một xứ sở nào trên thế gian này... lại có nhiều nguồn lợi như cái xứ Bắc Kỳ... Biết bao chiến dịch xán lạn cần phải vạch ra... Xứ Bắc Kỳ giàu có... Từ nơi đây, chính quốc tha hồ mà bòn rút đầy tay của cải để đưa về nước. Ngành xuất cảng của nước Pháp cũng sẽ thấy nơi đây là một nguồn tiêu thụ hàng hóa rất có lợi cho mình... Vậy thì hãy tiến lên! Tiến lên!”⁽²²⁾. Sau 05 năm tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, năm 1902, Paul Doumer - Toàn quyền Đông Dương (giai đoạn 1897 - 1902) đã báo cáo về Pháp: “Đông Dương ngày nay là một thuộc địa lớn, hoàn toàn bình định và tổ chức, có một nền tài chính rục rờ, một nền thương mại quan

trọng, một nền nông nghiệp phát triển nhanh chóng, số thực dân ngày một tăng và có những phương tiện hoạt động cao đẳng, một thiết bị kinh tế hùng hậu đang được xây dựng... Có thể nói rằng thuộc địa Đông Dương của chúng ta đã làm rạng rỡ văn minh nước Pháp”⁽²³⁾. Có thể nhận thấy, trong những lời lẽ đó, đâu là động cơ để nước Pháp xâm lược và tiến hành 02 cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Sự bóc lột thậm tệ nhân dân Việt Nam thông qua chính sách sưu thuế nặng nề đã được chính người Pháp thừa nhận: “Trên chiếc lưng cao su của người An Nam, nhà nước tha hồ kéo dài mức thuế co dãn”⁽²⁴⁾. Bóc lột kinh tế, mở rộng thị trường và gia tăng ảnh hưởng chính trị của nước Pháp là mục đích sâu xa của thực dân Pháp khi tiến hành xâm lược và cai trị Việt Nam. Luận điệu “khai hóa văn minh” cho nhân dân Việt Nam chỉ là sự lừa bịp, nhằm che đậy tâm địa đen tối, tham vọng bất lương của những kẻ thực dân.

Hai là, khi không có số liệu chính xác về những gì mà thực dân Pháp đã tước đoạt từ Việt Nam, mà chỉ căn cứ vào những gì người Pháp để lại trên đất Việt Nam để khẳng định về “công lao khai hóa văn minh” của Pháp thì đó là nhận định hết sức phiến diện. Sau khi hoàn tất quá trình xâm lược Việt Nam (năm 1884), thực dân Pháp tiến hành 02 cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Để phục vụ cho mục tiêu khai thác tối đa tài nguyên của Việt Nam, bóc lột cùng cực nhân dân Việt Nam và duy trì sự thống trị lâu dài của thực dân Pháp ở Đông Dương, tất yếu chính quyền thuộc địa phải tiến hành đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển các ngành kinh tế có lợi cho nước Pháp. Do đó, Việt Nam từ một nền kinh tế thuần nông đã trở thành một nền kinh tế có mầm mống của chủ nghĩa tư bản. Với chủ trương biến Việt Nam thành nơi cung cấp nguyên liệu cho nước Pháp và không được ảnh hưởng đến sự phát triển của công nghiệp Pháp, ở Việt Nam, ngành khai thác mỏ đã phát triển hơn tất cả và do đó, công nghiệp điện lực phải ra đời để phục vụ cho sản xuất cũng như sinh hoạt

của người Pháp. Quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng đòi hỏi phải đầu tư cho công nghiệp sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, mà điển hình là nhà máy xi măng Hải Phòng. Trong nông nghiệp thì kinh tế đồn điền đã ra đời, các cây công nghiệp, như cao su, cà phê, ca cao, chè..., được đưa vào sản xuất. Do đó, nền nông nghiệp Việt Nam thoát khỏi tình trạng “độc canh” cây lúa. Về thương mại thì thực dân Pháp thi hành chính sách độc quyền khi sử dụng “hàng rào” thuế quan để hàng hóa của Việt Nam mà Pháp cần đến đều phải xuất sang Pháp và chỉ có hàng hóa của Pháp mới vào được thị trường Việt Nam.

Để kết nối các khu vực hầm mỏ, đồn điền, bến cảng, các đô thị Việt Nam và các nước trên bán đảo Đông Dương đang tồn tại dưới hình thức Liên bang Đông Dương, thực dân Pháp phải phát triển hệ thống giao thông vận tải. Hệ thống đường bộ đã được mở rộng, trải đá, tráng nhựa và tuyến đường quan trọng nhất đã được xây dựng chính là đường quốc lộ xuyên Việt. Đường thủy nội địa được khai thác ở các sông lớn, như sông Hồng, sông Hậu Giang, sông Đồng Nai, bằng những con tàu chạy bằng máy hơi nước. Hệ thống hải cảng nối nước Pháp với Việt Nam cũng được hình thành, mà lớn nhất là cảng Hải Phòng và cảng Sài Gòn. Mở mang đường sắt là việc được giới tư bản Pháp đặc biệt quan tâm với mục đích chuyên chở hàng hóa, nguyên liệu và có thể nhanh chóng đưa quân đội đến các nơi cần đàn áp. Các tuyến đường sắt, như Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Vinh, Đà Nẵng - Huế, Sài Gòn - Nha Trang, Hải Phòng - Vân Nam, lần lượt được xây dựng. Quan trọng nhất là tuyến đường sắt Bắc Nam (từ Hà Nội đến Sài Gòn) với chiều dài hơn 1.700 km để thống nhất thị trường.

Chúng ta không phủ nhận rằng, 02 cuộc khai thác thuộc địa mà thực dân Pháp tiến hành ở Việt Nam đã ít nhiều làm thay đổi cơ cấu kinh tế, hạ tầng cơ sở ở Việt Nam theo hướng tích cực nhưng sự đầu tư của tư bản Pháp ở Việt Nam xuất phát từ lợi ích của chính

nước Pháp chứ không phải vì lợi ích của nhân dân Việt Nam, không mang lại cuộc sống tốt đẹp cho nhân dân Việt Nam. Phương thức hoạt động của thực dân Pháp ở Việt Nam là tận dụng nguồn nhân công rẻ mạt, kết hợp giữa lao động thủ công với lao động cơ giới, kết hợp bóc lột tư bản chủ nghĩa với bóc lột địa tô sao cho chi phí giảm xuống mức thấp nhất mà đạt được lợi nhuận cao nhất. Kết quả là, sau gần 01 thế kỷ cai trị Việt Nam, nền công nghiệp Việt Nam vẫn rất “què quặt”, lạc hậu và nền nông nghiệp vẫn rất manh mún. Kinh tế Việt Nam hoàn toàn bị kìm hãm trong sự phụ thuộc vào nền kinh tế Pháp. Về phương diện xã hội, nếu những kẻ thực dân ngày càng “vinh thân, phi da” thì nông dân và thợ thủ công Việt Nam đã bị bản cứng hóa hàng loạt; giai cấp công nhân mới ra đời bị bóc lột nặng nề; giai cấp tư sản bị tư sản Pháp, tư sản Hoa kiều cạnh tranh, chèn ép... Dưới góc độ vật chất, đến nay, chúng ta vẫn có thể nhìn thấy không ít công trình do Pháp xây dựng ở Việt Nam nhưng không thể thấy hết, không thể tính hết những gì mà thực dân Pháp đã tước đoạt từ Việt Nam. Do đó, không thể chỉ vì cái “đang nhìn thấy” mà ca tụng “công lao khai hóa” của thực dân Pháp và quên rằng, thực dân Pháp chính là kẻ đã “bóc lột dân ta đến tận xương tủy”, đã “làm cho giống nòi ta suy nhược”, làm cho dân ta “trở nên bản cứng” và “đã “bán” nước ta hai lần cho Nhật”⁽²⁵⁾. Dưới góc độ tinh thần, lấy gì để “đo” những đau thương, tủi nhục của hàng chục triệu con người Việt Nam đã bị “đẩy xuống hàng con vật” trong gần 01 thế kỷ bị Pháp cai trị? Với sức mạnh của dân tộc “vốn xung nền văn hiến đã lâu”, chính sách ngu dân đi đôi với việc “đồng hóa văn hóa”, tiến tới “xóa sổ” dân tộc Việt Nam của thực dân Pháp đã không thành công nhưng kết quả đó nằm ngoài dự tính của những kẻ thực dân, cướp nước. Nếu quả thực là Pháp đã “khai hóa” cho nhân dân Việt Nam, đem lại những thay đổi tích cực cho sự phát triển của Việt Nam thì cuộc đấu tranh chống Pháp đã không diễn ra bền bỉ, quyết liệt như thế.

Đúng như Nguyễn Ái Quốc đã nói, thực dân Pháp đã đẩy nhân dân Đông Dương vào cảnh “hấp hối trong vòng tử địa”⁽²⁶⁾ và vì vậy, “sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi”⁽²⁷⁾. Đó là lý do vì sao sự nghiệp giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam đã thành công.

3. Lời kết

Luận điệu về “công cuộc khai hóa văn minh”, bảo vệ quyền con người của thực dân Pháp ở Việt Nam đã bị vạch trần, bác bỏ một cách thuyết phục bởi *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc. Những ai còn mơ hồ về quá khứ đau thương của dân tộc, về “lòng tốt” của chủ nghĩa thực dân và “công trạng” của người Pháp trong gần 01 thế kỷ cai trị Việt Nam thì cần đọc lại tác phẩm này. Đáng nói hơn, người đã kết án chế độ thực dân Pháp cũng chính là người đã lãnh đạo dân tộc mình đánh đổ chế độ tàn bạo đó. Luận điệu về “công cuộc khai hóa văn minh” của thực dân Pháp ở Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua đã xuyên tạc lịch sử đau thương mà anh dũng của phong trào chống Pháp ở Việt Nam, đã phủ nhận công lao to lớn của anh hùng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và ý nghĩa dân tộc, thời đại của cách mạng Tháng Tám. “Ru ngủ” con người về “nhân đạo thực dân”, luận điệu xuyên tạc đó còn gián tiếp cổ vũ cho các cuộc chiến tranh xâm lược và sự áp đặt văn hóa của dân tộc này đối với dân tộc khác. Nó cũng làm con người dễ mất cảnh giác trước những hành vi xâm lăng tinh vi của chủ nghĩa thực dân mới, làm cho lớp trẻ hiểu sai lệch về lịch sử, làm “thui chột” trong họ khát vọng độc lập, tự do và ý chí bảo vệ Tổ quốc. Cho dù cần phải “khép lại quá khứ, hướng tới tương lai” nhưng “khép lại” không có nghĩa là lãng quên, là xuyên tạc sự thật, là biện bác cho những tội ác không thể dung thứ. Chiến tranh phi nghĩa và sự cai trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân là một sự thật lịch sử mà

dân tộc Việt Nam và loài người không thể lãng quên. Ngày nay, *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn không khơi dậy lòng thù hận giữa các dân tộc, mà chỉ giúp nhân dân Việt Nam và các dân tộc từng bị áp bức hiểu rõ quá khứ đau thương của mình để biết trân trọng, bảo vệ nền độc lập thiêng liêng của Tổ quốc mình bằng sức mạnh của tinh thần tự lực, tự cường. Tác phẩm cũng là “tiếng chuông” cảnh báo đối với các thế lực đế quốc tàn bạo, các âm mưu nô dịch các dân tộc khác của các thế lực phản động bởi theo quy luật, “ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh” và mọi sự áp bức trước sau cũng đều bị lật đổ, lên án, nguyên rủa. Hơn nữa, “một dân tộc đi áp bức dân tộc khác thì dân tộc đó không có tự do”⁽²⁸⁾. Do đó, một dân tộc thông thái là một dân tộc biết chung sống hòa bình với dân tộc khác, cùng nhau phát triển, cùng nhau vươn tới sự thịnh vượng theo tinh thần “Quan sơn muôn dặm một nhà/ Vì trong bốn biển đều là anh em”⁽²⁹⁾ mà anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đề cao □

⁽¹⁾ *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc - nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.152

⁽²⁾, (8), (16), (18) và (27) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.31, 453, 11, 292 và 40

⁽³⁾, (4), (5), (6), (7), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (17), (19), (20), (21) và (26) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.2, Sđd, tr.26, 74, 66, 104, 36, 104-105, 91, 81, 82, 40, 43, 103-104, 60, 79, 121, 121 và 283

⁽²²⁾ Dẫn theo: P.R.Féray, *Le Viet Nam au XXème siècle (Nước Việt Nam ở thế kỷ XX)*, Presses Universitaires de France, Paris, 1979, tr.41

⁽²³⁾ và ⁽²⁴⁾ Đinh Xuân Lâm, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.112 và 115

⁽²⁵⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.2

⁽²⁸⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.14, Sđd, tr.504

⁽²⁹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.10, Sđd, tr.558